TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Quản lý di sản tôn giáo qua góc nhìn đa tôn giáo

ISSN: 2734-9195 15:30 11/04/2026

Với Việt Nam hôm nay, giữ gìn di sản tôn giáo không chỉ là câu chuyện văn hóa, mà còn là câu chuyện giữ đạo lý, giữ ký ức cộng đồng và giữ chiều sâu tinh thần của xã hội trong thời đại phát triển hội nhập.

Tác giả: **Kyungjin Chae**
Biên tập: **Chu Minh Chi**
Nguồn: **https://www.mdpi.com/**

1. Tóm tắt bối cảnh, dữ liệu thông tin bài viết gốc

Bài nghiên cứu *“Religious Heritage and the Governance of Living Sacred Space: A Multi-Religious Perspective”* dịch nghĩa *“Di sản tôn giáo và việc quản lý không gian thiêng liêng: Một góc nhìn đa tôn giáo*" nhận định di sản tôn giáo không chỉ như những công trình cổ hay đối tượng bảo tồn văn hóa, mà như những không gian linh thiêng sống động, nơi đức tin, nghi lễ, hoạt động cộng đồng và việc quản lý di sản văn hoá cùng giao thoa.

Dựa trên 39 cuộc phỏng vấn, tác giả cho thấy khi một không gian tôn giáo được vinh danh là *“di sản”*, thì ý nghĩa của nó không còn chỉ do cộng đồng tín ngưỡng quyết định, mà còn chịu tác động từ luật pháp, chính sách bảo tồn, quy hoạch không gian và quyền lực quản trị thế tục.

Từ đó, bài viết đặt ra một vấn đề, việc công nhận và **bảo tồn di sản** tôn giáo có thể giúp gìn giữ hình hài vật chất của nơi chốn linh thiêng, nhưng đồng thời cũng có thể làm thay đổi thẩm quyền tôn giáo, làm gián đoạn thực hành nghi lễ, hoặc khiến cộng đồng sống cùng di sản ấy dần mất quyền chủ động trong chính không gian của mình. Nói cách khác, bài viết gốc không chỉ bàn về bảo tồn di sản, mà sâu hơn là bàn về sự căng thẳng giữa cái thiêng đang sống và cơ chế quản trị hiện đại.

Dữ liệu được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn được thực hiện với các tín đồ tôn giáo từ **Phật giáo**, **Công giáo**, **Tin lành** và **Nho giáo**, cũng như các chuyên gia về di sản và các chuyên gia liên quan đến chính sách trong quản lý di sản tôn giáo.

Các cuộc phỏng vấn đã tìm hiểu về sự hiểu biết của người tham gia về di sản tôn giáo, kinh nghiệm về việc chỉ định và quản lý di sản, nhận thức về mối quan hệ giữa tôn giáo và di sản, quan điểm về chính sách và quản trị.

Tất cả các cuộc phỏng vấn đều do tác giả thực hiện, được ghi âm với sự đồng ý của người tham gia và được chép lại nguyên văn. Người tham gia được lựa chọn bằng phương pháp lấy mẫu có chủ đích dựa trên sự tham gia trực tiếp của họ vào quản trị di sản tôn giáo, bao gồm các tín đồ tôn giáo, nhà quản lý, học giả và chuyên gia về di sản.

Phương pháp lấy mẫu dây chuyền (snowball sampling) cũng được sử dụng trong một số trường hợp hạn chế để xác định các chuyên gia có kinh nghiệm thể chế liên quan. Tiêu chí lựa chọn bao gồm sự tham gia chuyên nghiệp vào việc chỉ định di sản, thực hành bảo tồn, quản lý tôn giáo hoặc các vai trò tư vấn liên quan đến chính sách.

Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2025, tổng cộng 39 cuộc phỏng vấn cá nhân đã được thực hiện với các chuyên gia về di sản văn hóa thuộc các tôn giáo khác nhau.

Trong số này, 26 người tham gia (66,7%) liên quan đến Phật giáo, 3 người (7,7%) đến từ Công giáo, 2 người (5,1%) đến từ Nho giáo và 2 người (5,1%) đến từ Tin lành, trong khi 6 người tham gia (15,4%) đưa ra quan điểm về quản trị di sản tôn giáo nói chung hoặc liên tôn giáo.

Sự chiếm ưu thế của những người tham gia theo Phật giáo phản ánh tầm quan trọng về cấu trúc của di sản Phật giáo trong hệ thống di sản quốc gia và sự tiếp xúc rộng rãi của nó với các quy trình quản lý.

Sự hiện diện tương đối ít hơn của các truyền thống khác phản ánh sự khác biệt về quy mô thể chế và sự tham gia quản trị hơn là ý nghĩa phân tích. Sự phân bố này cho phép phân tích so sánh giữa các truyền thống đồng thời làm sáng tỏ sự bất đối xứng trong kinh nghiệm quản trị trong một khuôn khổ pháp lý thống nhất.

Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến tùy thuộc vào sự có mặt của người tham gia, và mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài khoảng 60-90 phút.

Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bằng tiếng Hàn và sau đó được dịch sang tiếng Anh cho mục đích phân tích.

Sự chiếm ưu thế của những người tham gia theo đạo Phật phản ánh sự tập trung về mặt cấu trúc của các di sản tôn giáo được công nhận trong **Phật giáo Hàn Quốc**, nơi các chùa Phật giáo chiếm phần lớn các địa điểm tôn giáo được bảo vệ cấp quốc gia.

Do đó, sự phân bố mẫu phản ánh cấu hình thực nghiệm của hệ thống di sản quốc gia hơn là sự thiên lệch lấy mẫu có chủ đích. Tuy nhiên, sự bất đối xứng này hạn chế khả năng so sánh thống kê giữa các truyền thống, và do đó, các diễn giải so sánh nên được hiểu là mang tính chỉ dẫn về mặt phân tích hơn là mang tính đại diện theo tỷ lệ.

39 người được phỏng vấn đại diện cho nhiều ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực di sản tôn giáo. Mười sáu người tham gia (41,0%) là các nhà lãnh đạo tôn giáo đã thụ giới, bao gồm 12 nhà sư Phật giáo, 2 linh mục Công giáo và 2 mục sư Tin lành.

Trong số những người tham gia theo đạo Phật, 13 người trực thuộc các chùa truyền thống được pháp luật công nhận là jeontong-sachal (chùa truyền thống), trong khi 11 người là các nhà tu hành phục vụ tại các chùa được ghi vào Danh sách Di sản Thế giới.

Sự phân bố nội bộ này phản ánh môi trường pháp lý khác biệt mà cộng đồng Phật giáo trải nghiệm, đặc biệt là giữa các chùa truyền thống được công nhận cấp quốc gia và các di sản thế giới được quốc tế công nhận.

Chín người tham gia (23,1%) là những người hành nghề hoặc chuyên gia về chính sách trực tiếp tham gia quản lý di sản, bao gồm 7 chuyên viên hành chính và 2 cá nhân liên kết với ICOMOS hoặc các hoạt động liên quan đến UNESCO. Tám người tham gia (20,5%) liên kết với giới học thuật hoặc các viện nghiên cứu, bao gồm 5 giáo sư đại học và 3 nhà nghiên cứu từ các viện chuyên ngành. Sáu người tham gia còn lại (15,4%) là các chuyên gia bảo tàng, bao gồm các người phụ trách và quản trị viên chịu trách nhiệm vận hành và diễn giải các bộ sưu tập di sản tôn giáo.

Sự phân bổ chuyên môn này đảm bảo sự đại diện cho các quan điểm thần học, hành chính, học thuật và quản lý, cho phép phân tích đa chiều về cách thức di sản tôn giáo được khái niệm hóa và quản lý trong các bối cảnh thể chế khác nhau. Việc bao gồm cả các ngôi chùa Phật giáo truyền thống và các di sản thế giới càng củng cố thêm khía cạnh so sánh về kinh nghiệm quản trị trong lĩnh

vực di sản tôn giáo lớn nhất. Do tỷ lệ người tham gia theo đạo Phật cao hơn, các phát hiện so sánh nên được hiểu là mang tính chỉ dẫn phân tích hơn là mang tính đại diện thống kê, phản ánh sự khác biệt về cấu trúc trong việc phân bổ di sản tôn giáo trong hệ thống chỉ định quốc gia.

Tham khảo bài viết gốc: https://www.mdpi.com/2077-1444/17/4/466



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm)

2. Phân tích góc nhìn mở rộng từ bài viết gốc

Có một nghịch lý của thời hiện đại: càng ý thức mạnh mẽ về việc **bảo tồn di sản**, con người càng dễ đánh mất phần sống động nhất của di sản. Một ngôi chùa được trùng tu đẹp hơn, một nghi lễ được ghi danh trang trọng hơn, một thắng tích được quy hoạch bài bản hơn nhưng trong nhiều trường hợp, chính từ đó, tính thiêng liêng bắt đầu bị đặt vào một cơ chế khác: cơ chế hồ sơ, cơ chế hành chính, cơ chế du lịch, cơ chế truyền thông.

Bài nghiên cứu "*Religious Heritage and the Governance of Living Sacred Landscapes*" gợi lên rất rõ nghịch lý ấy khi xem di sản tôn giáo như nơi gặp gỡ giữa thực hành nghi thức linh thiêng và quản trị di sản văn hóa, dựa trên 39 cuộc phỏng vấn sâu trong các bối cảnh Phật giáo, Công giáo, Tin Lành và Nho giáo ở Hàn Quốc.

Điều đáng chú ý là bài gốc không xem không gian linh thiêng như một vật thể đứng yên, có thể thấy tác giả quan tâm đến quá trình mà ở đó, khi một địa điểm linh thiêng bước vào *“chế độ di sản”*, thì thẩm quyền tôn giáo, tính liên tục của nghi lễ và quyền kiểm soát không gian đều bị tái cấu hình dưới những

khuôn khổ quản lý thế tục.

Nhận định ấy rất quan trọng. Bởi lẽ, một nơi thờ tự không chỉ là kiến trúc mà nó là nhịp sống. Nó được tạo thành từ bước chân người hành hương, tiếng mõ thời công phu, mùa lễ hội, ký ức cộng đồng, những điều kiêng kỵ, tôn kính và cả một lối cảm nhận không gian không thể đo hết bằng thước pháp lý.

Các hồ sơ UNESCO tại Hàn Quốc cho thấy rất rõ logic này. Jongmyo không chỉ là một quần thể kiến trúc; đó là nơi nghi lễ tế tự cùng âm nhạc nghi lễ vẫn được thực hành, với hội bảo tồn nghi lễ được nhà nước công nhận và hỗ trợ. Nhưng đồng thời, toàn bộ không gian cũng được quản lý bằng ranh giới và các quy định bảo tồn nghiêm ngặt. Tương tự, các tự viện Phật giáo trên núi của Hàn Quốc được ghi nhận không chỉ vì giá trị lịch sử, mà vì chúng là "*các trung tâm thực hành tâm linh liên tục*". Nghĩa là, giá trị của chúng không nằm ở gỗ đá đơn thuần, mà ở dòng sinh hoạt cộng đồng tôn giáo.

Từ đây, bài gốc nêu ra một vấn đề rất đáng suy nghĩ cho thế giới Phật giáo hôm nay: khi một không gian linh thiêng được "*di sản hóa*", ai là người có tiếng nói quyết định nó là gì? Là cộng đồng tu học? Là cơ quan quản lý? Là chuyên gia bảo tồn? Là du khách? Hay là thị trường biểu tượng đang biến cái thiêng thành một trải nghiệm có thể tiêu dùng?

Unesco đã lưu ý từ lâu rằng các địa điểm linh thiêng cần những chính sách riêng, và các chính sách ấy không bền nếu thiếu tham vấn sâu với cộng đồng thực hành.

Nói cách khác, bảo tồn đúng không thể chỉ là bảo tồn thứ mắt thấy được; nó phải bảo toàn được cả cách con người sống với nơi chốn ấy.

Từ lăng kính Phật học, đây không chỉ là câu chuyện quản lý. Đây là câu chuyện về chính kiến. Khi nhìn một ngôi chùa chỉ như di sản kiến trúc hay khi nhìn một lễ hội chỉ như sản phẩm văn hóa, cũng đều là chưa đủ. Trong đạo Phật, mọi pháp do duyên sinh. Một không gian linh thiêng cũng do duyên sinh: duyên của người hộ tự, duyên của giới luật, duyên của cộng đồng, duyên của cảnh quan, duyên của thực tập, duyên của niềm tin truyền đời. Tách những yếu tố ấy ra khỏi nhau để dễ quản lý, rất có thể ta đã làm điều trái với chính bản chất của thực tại. Di sản không phải một khối chết để quản. Nó là mạng sống của nhiều duyên nương nhau mà thành.

Ở đây, Kinh Pháp Cú cho ta một chìa khóa quan trọng. Phẩm Không phóng dật, kệ 21 dạy: "*Không phóng dật là con đường đến bất tử*". Đem tinh thần ấy vào việc giữ gìn di sản tôn giáo, "*không phóng dật*" có nghĩa là đừng vội đồng nhất

bảo tồn với xây mới, làm đẹp, quy hoạch lớn hay tăng lượng khách. Có những sự hủy hoại diễn ra rất lặng lẽ: nghi lễ bị rút ngắn cho vừa lịch trình sự kiện; không gian tĩnh tu bị chen bởi hàng quán; tượng thờ được đánh bóng nhưng đời sống tu học nhạt đi; người dân bản địa vẫn còn đó nhưng không còn là chủ thể của ký ức nơi chốn. Đó là thứ phóng dật của thời hiện đại: bề ngoài chăm chút, bên trong tiêu hao.

Lời dạy trong Kinh Pháp Cú, Phẩm Phật Đà, kệ 183 cũng giúp ta đọc lại toàn bộ vấn đề: "*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý*". Nếu một chính sách bảo tồn khiến cộng đồng thực hành bị lùi ra ngoài rìa, nếu một dự án di sản làm tăng lợi ích kinh tế nhưng làm mỏng đi nội dung đạo đức và tâm linh, thì chính sách ấy khó có thể gọi là lành trọn vẹn. Phật học không phản đối quản trị, Phật học chỉ nhắc rằng mọi quản trị nếu không hướng tới giảm tổn hại, nuôi thiện pháp và thanh lọc động cơ quyền lực, thì cuối cùng vẫn có thể làm tổn thương cái mà nó nhân danh để bảo vệ.

Tuy vậy, nói như thế không có nghĩa là lãng mạn hóa **cộng đồng tôn giáo**. Không phải mọi thực hành truyền thống đều đương nhiên hợp thời, hợp pháp hay có lợi cho bảo tồn lâu dài. Cũng có lúc cộng đồng thiếu nguồn lực, thiếu tri thức kỹ thuật, hoặc bị cuốn theo thương mại hóa. Cho nên, phản luận cần đi theo trung đạo. Không thể trao toàn quyền cho nhà nước; nhưng cũng không thể tuyệt đối hóa cộng đồng. Không thể phủ nhận vai trò của hồ sơ pháp lý; nhưng cũng không thể biến cái thiêng thành một mục quản trị vô cảm. Con đường đúng phải là đồng quản trị nhiều tầng, nơi cộng đồng thực hành là chủ thể thật sự, nhà nước giữ vai trò bảo đảm pháp lý và điều phối, còn chuyên gia là người phục vụ cho sinh mệnh của di sản chứ không thay thế sinh mệnh ấy.

Trong kinh Đại Bát Niết-bàn nhắc nhở: "*Các hành là vô thường, hãy tinh tấn, chớ phóng dật*". Lời ấy không chỉ dành cho hành giả trên đường tu, mà còn rất thích hợp cho thời đại đang gấp gáp "*bảo tồn*" mọi thứ. Vô thường nhắc ta rằng không có mô hình quản lý nào bất biến. Tinh tấn nhắc ta phải giữ phần cốt lõi. Chớ phóng dật nhắc ta đừng để sự hấp dẫn của quyền lực biểu tượng, danh hiệu di sản hay lợi ích ngắn hạn làm lu mờ câu hỏi căn bản: nơi này còn nuôi dưỡng được đời sống tâm linh hay không?

Liên hệ với Việt Nam, câu hỏi ấy càng cấp thiết. Từ chùa cổ, thiền viện, lễ hội Phật giáo, các tuyến hành hương, cho đến những không gian tín ngưỡng dân gian đang được tu bổ, quảng bá và đưa vào bản đồ du lịch, chúng ta cũng đứng trước cùng một bài toán: giữ di sản hay trình diễn di sản? Giữ nơi chốn linh thiêng hay dựng nên một phiên bản "*đẹp hơn, lớn hơn, đông hơn*" nhưng xa dần tâm thức nguyên thủy? Việt Nam có lợi thế là đời sống tôn giáo, tín ngưỡng và

cộng đồng địa phương vẫn còn rất giàu sinh lực. Nhưng chính vì còn sống động, nên càng phải cẩn trọng: đừng để sự kiện hóa, thương mại hóa hay hành chính hóa làm đứt mạch thực hành vốn là linh hồn của di sản.

Đóng góp lớn nhất mà bài nghiên cứu gốc gợi ra không chỉ là một nhận xét học thuật về **Hàn Quốc.** Nó buộc chúng ta nhìn lại chính cách mình đối xử với di sản linh thiêng trong xã hội hiện đại. Khi một nơi linh thiêng được gọi tên là "*di sản*", đó có thể là một vinh dự. Nhưng nếu cùng lúc, cộng đồng sống với nơi ấy bị giảm vai trò, nghi lễ bị chuẩn hóa cho dễ quản, và không gian bị hiểu trước hết bằng bản đồ kỹ thuật, thì vinh dự ấy có thể che đi một mất mát thầm lặng. Bảo tồn di sản tôn giáo, dưới ánh sáng Phật học, vì thế không thể chỉ là giữ lại cái đã qua mà nó còn là hộ trì điều đang sống.

Có lẽ, điều đáng tiếc không phải là một ngôi chùa cũ đi theo năm tháng, mà là một ngôi chùa vẫn còn nguyên hình hài nhưng mất dần khả năng làm chỗ nương cho tâm người. Với Việt Nam hôm nay, giữ gìn di sản tôn giáo không chỉ là câu chuyện văn hóa, mà còn là câu chuyện giữ đạo lý, giữ ký ức cộng đồng và giữ chiều sâu tinh thần của xã hội trong thời đại phát triển hội nhập. Nếu chỉ chăm vào phần "*được công nhận*", mà quên phần "*bảo tồn những phong tục, nghi thức dân gian thiêng liêng*", thì ta có thể giữ được danh xưng của di sản nhưng đánh rơi linh hồn của nó.

Tác giả: **Kyungjin Chae**/Biên tập: **Chu Minh Chi**
Nguồn: **https://www.mdpi.com/**